

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK2/2019-2020

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
1	14020612	Nguyễn Văn Thuyết	K14HDHCQ	CQ	K59CĐT	562,000	533,900		1,095,900	
2	14020723	Phan Văn Ước	K14HDHCQ	CQ	K59CHKT	0	800,850		800,850	
3	14020230	Mai Khoa Hương	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	2,236,000	1,067,800		3,303,800	
4	14020304	Phạm Công Minh	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	1,112,000	1,067,800		2,179,800	
5	14020425	Dương Trung Thảo	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	0	800,850		800,850	
6	14020441	Trịnh Văn Thi	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	0	1,067,800		1,067,800	
7	14020547	Bùi Anh Văn	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	0	1,868,650		1,868,650	
8	14020648	Hồ Đức Anh	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	0	3,470,350		3,470,350	
9	14020665	Đình Bảo Khánh	K14HDHCQ	CQ	K59CNTT	1,967,000	266,950		2,233,950	
10	14020372	Lê Anh Quân	K14HDHCQ	CQ	K59HTTT	1,946,000	1,868,650		3,814,650	
11	14020556	Đỗ Văn Vinh	K14HDHCQ	CQ	K59HTTT	0	10,144,100		10,144,100	
12	14020108	Phạm Văn Định	K14HDHCQ	CQ	K59KHMT	0	2,402,550		2,402,550	
13	14020021	Phan Văn Bắc	K14HDHCQ	CQ	K59KTĐT	12,648,000	4,538,150		17,186,150	
14	14020490	Lê Đăng Trung	K14HDHCQ	CQ	K59KTĐT	0	5,072,050		5,072,050	
15	14020277	Trịnh Đức Lương	K14HDHCQ	CQ	K59TT-MMT	8,370,000	2,669,500		11,039,500	
16	15021739	Lê Nam Trung	K15HDHCQ	CQ	K60CĐT	3,091,000	3,203,400		6,294,400	
17	15022091	Phạm Văn Nam	K15HDHCQ	CQ	K60CĐT	0	1,868,650		1,868,650	
18	15021171	Kim Văn Thương	K15HDHCQ	CQ	K60CHKT	0	533,900		533,900	
19	15022455	Nguyễn Thành Lâm	K15HDHCQ	CQ	K60CHKT	0	1,067,800		1,067,800	
20	15022461	Nguyễn Công Nhật	K15HDHCQ	CQ	K60CHKT	3,653,000	1,601,700		5,254,700	
21	15022777	Lê Vũ Thuần	K15HDHCQ	CQ	K60CHKT	0	800,850		800,850	
22	15021358	Nguyễn Việt Minh Nghĩa	K15HDHCQ	CQ	K60CNTT	0	3,470,350		3,470,350	
23	15021376	Hoàng Duy Hào	K15HDHCQ	CQ	K60CNTT	0	800,850		800,850	
24	15021857	Nguyễn Văn Quang Huy	K15HDHCQ	CQ	K60CNTT	0	800,850		800,850	
25	15021894	Nguyễn Văn Tùng	K15HDHCQ	CQ	K60CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
26	15022833	Bùi Hùng Tráng	K15HDHCQ	CQ	K60CNTT	5,312,000	1,868,650		7,180,650	
27	15022836	Phạm Tuấn Thiện	K15HDHCQ	CQ	K60CNTT	0	800,850		800,850	
28	15021818	Lê Hồng Đông	K15HDHCQ	CQ	K60ĐTVT	0	1,601,700		1,601,700	
29	15022286	Vũ Huy Phát	K15HDHCQ	CQ	K60ĐTVT	0	1,067,800		1,067,800	
30	15022295	Trần Công Anh	K15HDHCQ	CQ	K60ĐTVT	0	2,402,550		2,402,550	
31	15022005	Trần Ngọc Minh	K15HDHCQ	CQ	K60HTTT	0	1,868,650		1,868,650	
32	15021373	Nguyễn Tiến Đạt	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT	0	1,868,650		1,868,650	
33	15021610	Mai Huy Thái	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT	0	2,669,500		2,669,500	
34	15022865	Nguyễn Việt Cường	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT	0	1,868,650		1,868,650	
35	15021108	Vũ Hoàng Long	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT-NVCL	0	266,950		266,950	
36	15021745	Phạm Nguyễn Ngọc Biên	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT-NVCL	0	800,850		800,850	
37	15021754	Trần Tuấn Minh	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT-NVCL	0	2,669,500		2,669,500	
38	15021779	Phạm Văn Hạnh	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT-NVCL	0	2,669,500		2,669,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
39	15021988	Lê Văn Lợi	K15HDHCQ	CQ	K60KHMT-NVCL	0	5,072,050		5,072,050	
40	15021952	Đình Nguyễn Hoàng Hiệp	K15HDHCQ	CQ	K60TDL-MMT	0	1,067,800		1,067,800	
41	15021957	Nguyễn Thị Phòng	K15HDHCQ	CQ	K60TDL-MMT	0	2,669,500		2,669,500	
42	15022881	Trần Trung Đức	K15HDHCQ	CQ	K60VLKT	6,735,000	5,072,050	5,075,000	6,732,050	SV chỉ chuyển đóng K2, chưa đóng các kỳ trước
43	16020571	Nguyễn Việt Hoàng	K16HDHCQ	CQ	K61CĐT	0	3,737,300		3,737,300	
44	16020588	Nguyễn Trung Kiên	K16HDHCQ	CQ	K61CĐT	0	4,538,150		4,538,150	
45	16020607	Nguyễn Văn Mạnh	K16HDHCQ	CQ	K61CĐT	0	3,737,300		3,737,300	
46	16020612	Bùi Công Minh	K16HDHCQ	CQ	K61CĐT	0	3,737,300		3,737,300	
47	16020637	Tạ Văn Quỳnh	K16HDHCQ	CQ	K61CĐT	0	5,605,950		5,605,950	
48	16022270	Phạm Ngọc Sông	K16HDHCQ	CQ	K61CĐT	0	3,737,300		3,737,300	
49	16020335	Nguyễn Văn Đạt	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	3,203,400		3,203,400	
50	16020336	Phan Văn Đạt	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	6,139,850		6,139,850	
51	16020388	Lê Quang Huy	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	3,470,350		3,470,350	
52	16020421	Nguyễn Công Minh	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	4,538,150		4,538,150	
53	16021795	Nguyễn Văn Hải	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	1,868,650		1,868,650	
54	16022320	Lưu Văn Cường	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
55	16022488	Trần Mạnh Linh	K16HDHCQ	CQ	K61CHKT	0	6,139,850		6,139,850	
56	16020009	Nguyễn Hoàng Đức	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	2,669,500		2,669,500	
57	16020054	Nguyễn Đình Khoa	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
58	16020055	Trần Hoàng Minh	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	6,139,850		6,139,850	
59	16020079	Trần Minh Tiến	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	3,737,300		3,737,300	
60	16020845	Trần Thị Phương Anh	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	3,737,300		3,737,300	
61	16020875	Lê Quang Đạo	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	-500	3,470,350		3,469,850	
62	16020899	Hoàng Mạnh Dũng	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
63	16020914	Nguyễn Ngọc Dương	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	3,737,300		3,737,300	
64	16020926	Đình Văn Giang	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	3,470,350		3,470,350	
65	16020934	Dương Thanh Hải	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	800,850		800,850	
66	16020948	Hà Minh Hiếu	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	6,406,800		6,406,800	
67	16020956	Nguyễn Hữu Thị Hiếu	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	2,669,500		2,669,500	
68	16021002	Trần Văn Huy	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	4,636,500	5,072,050		9,708,550	
69	16021023	Lê Phạm Văn Linh	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	2,669,500		2,669,500	
70	16021024	Lê Quang Linh	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	11,437,000	3,470,350		14,907,350	
71	16021043	Đào Tiến Mạnh	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	800,850		800,850	
72	16021052	Phùng Công Minh	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	2,936,450		2,936,450	
73	16021057	Lê Hà My	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	2,669,500		2,669,500	
74	16021099	Nguyễn Thị Phượng	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	3,470,350		3,470,350	
75	16021105	Nguyễn Việt Quân	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	1,868,650		1,868,650	
76	16021112	Nguyễn Minh Quang	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
77	16021116	Vũ Văn Quý	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	1,868,650		1,868,650	
78	16021119	Phạm Danh Quyền	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
79	16021126	Hà Phi Sơn	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	2,536,025		2,536,025	
80	16021168	Nguyễn Hoài Thu	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	6,406,800		6,406,800	
81	16021228	Nguyễn Hoàng Tuyền	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	1,868,650		1,868,650	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
82	16021243	Nguyễn Thị Hải Yến	K16HDHCQ	CQ	K61CNTT	0	1,868,650		1,868,650	
83	16020737	Cù Đức Hiệp	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	1,868,650		1,868,650	
84	16020759	Nguyễn Văn Lâm	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	4,004,250		4,004,250	
85	16020808	Vũ Ngọc Tiến	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	2,135,600		2,135,600	
86	16020815	Nguyễn Tất Tuấn	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	2,669,500		2,669,500	
87	16022281	Nguyễn Khánh Duy	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	2,402,550		2,402,550	
88	16022289	Khuất Việt Long	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	2,669,500		2,669,500	
89	16022299	Trần Đức Thịnh	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	7,474,600		7,474,600	
90	16022474	Trần Thị Hồng Nhung	K16HDHCQ	CQ	K61ĐTVT	0	1,868,650		1,868,650	
91	16021254	Tạ Hoàng Anh	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	15,970,000	5,339,000		21,309,000	
92	16021259	Lê Thành Công	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	1,868,650		1,868,650	
93	16021270	Lê Thuận Đức	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	3,737,300		3,737,300	
94	16021273	Phạm Tuấn Dũng	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	4,805,100		4,805,100	
95	16021274	Lê Văn Duy	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	4,538,150		4,538,150	
96	16021275	Nguyễn Đắc Duy	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	3,737,300		3,737,300	
97	16021312	Nguyễn Thanh Minh	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	4,271,200		4,271,200	
98	16021325	Lê Quý Phong	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	2,135,600		2,135,600	
99	16021326	Trần Văn Phương	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	2,135,600		2,135,600	
100	16021354	Nguyễn Minh Tuấn	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	1,868,650		1,868,650	
101	16021358	Nguyễn Văn Tuyền	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	3,203,400		3,203,400	
102	16021360	Nguyễn Minh Vũ	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	6,406,800		6,406,800	
103	16022094	Phan Nguyễn Lâm	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	1,868,650		1,868,650	
104	16022134	Phùng Đình Xuân	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	2,135,600		2,135,600	
105	16022357	Đình Việt Anh	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	6,182,000	4,271,200		10,453,200	
106	16022363	Phạm Văn Duy	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	4,271,200		4,271,200	
107	16022369	Nguyễn Đình Hiếu	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	1,868,650		1,868,650	
108	16022381	Đặng Văn Phúc	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	3,470,350		3,470,350	
109	16022382	Nguyễn Văn Phúc	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	3,737,300		3,737,300	
110	16022384	Vũ Trường Quang	K16HDHCQ	CQ	K61HTTT	0	1,868,650		1,868,650	
111	16020059	Nguyễn Huy Tuyền	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	2,669,500		2,669,500	
112	16020281	Trần Xuân Thành	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	6,406,800		6,406,800	
113	16021388	Cao Đức Huân	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	2,936,450		2,936,450	
114	16021396	Lương Hoàng Kiên	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	4,271,200		4,271,200	
115	16021398	Đình Khánh Linh	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	3,470,350		3,470,350	
116	16021399	Đỗ Huy Linh	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	5,872,900		5,872,900	
117	16021432	Trần Duy Việt	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	843,000	9,343,250		10,186,250	
118	16022119	Nguyễn Minh Tâm	K16HDHCQ	CQ	K61KHMT	0	1,868,650		1,868,650	
119	16021477	Nguyễn Văn Khánh	K16HDHCQ	CQ	K61KTNL	843,000	8,275,450		9,118,450	
120	16021914	Phạm Đăng Chung	K16HDHCQ	CQ	K61KTNL	0	5,605,950		5,605,950	
121	16021940	Lê Anh Thư	K16HDHCQ	CQ	K61KTNL	0	5,339,000		5,339,000	
122	16021551	Đào Thế Anh	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	4,271,200		4,271,200	
123	16021554	Phạm Tuấn Anh	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	9,246,000	2,936,450		12,182,450	
124	16021571	Trần Đại Trường Giang	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	4,271,200		4,271,200	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
125	16021585	Trương Xuân Hội	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	4,805,100		4,805,100	
126	16021616	Trương Văn Nam	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	7,207,650		7,207,650	
127	16021636	Phạm Văn Quyển	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	6,673,750		6,673,750	
128	16021658	Mai Phúc Triệu	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	2,669,500		2,669,500	
129	16021661	Trần Hữu Tuấn	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	2,669,500		2,669,500	
130	16022171	Ngô Thị Hiền	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	5,872,900		5,872,900	
131	16022424	Nguyễn Thanh Bình	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	6,139,850		6,139,850	
132	16022435	Doãn Đoàn Đại Hùng	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	5,072,050		5,072,050	
133	16022441	Nguyễn Duy Hưng	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	6,139,850		6,139,850	
134	16022443	Kiều Thanh Nam	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	5,872,900		5,872,900	
135	16022445	Phan Văn Tài	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	2,669,500		2,669,500	
136	16022470	Nguyễn Tân Sơn	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	1,601,700		1,601,700	
137	16022502	Nguyễn Hồng Quang	K16HDHCQ	CQ	K61TT-MMT	0	1,868,650		1,868,650	
138	16021693	Phan Lạc Dương	K16HDHCQ	CQ	K61VLKT	0	1,868,650		1,868,650	
139	17020074	Phạm Mạnh Tuấn	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,339,000		5,339,000	
140	17020235	Vũ Tiến Anh	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	6,940,700		6,940,700	
141	17020239	Nguyễn Xuân Bách	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	6,139,850		6,139,850	
142	17020250	Hồ Mạnh Cường	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	3,934,000	800,850		4,734,850	
143	17020253	Nguyễn Mạnh Dũng	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,605,950		5,605,950	
144	17020257	Lê Chấp Duy	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	4,538,150		4,538,150	
145	17020277	Vũ Trí Đức	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	9,772,000	800,850		10,572,850	
146	17020278	Hoàng Việt Hà	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	7,207,650		7,207,650	
147	17020292	Nguyễn Lương Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	6,139,850		6,139,850	
148	17020309	Bùi Văn Huân	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	3,737,300		3,737,300	
149	17020312	Đỗ Việt Hùng	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,872,900		5,872,900	
150	17020314	Nguyễn Xuân Hùng	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	800,850		800,850	
151	17020329	Vũ Văn Huy	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,605,950		5,605,950	
152	17020337	Phùng Kim Khải	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	6,139,850		6,139,850	
153	17020340	Phạm Văn Khánh	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,339,000		5,339,000	
154	17020343	Phạm Đăng Khoa	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,605,950		5,605,950	
155	17020358	Nguyễn Đức Long	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,339,000		5,339,000	
156	17020366	Chu Văn Mạnh	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	6,240,000	800,850		7,040,850	
157	17020380	Đào Đình Nam	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	4,271,200		4,271,200	
158	17020405	Nguyễn Minh Quốc	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	3,737,300		3,737,300	
159	17020416	Nguyễn Đăng Tâm	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,605,950		5,605,950	
160	17020418	Bùi Anh Thái	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	3,934,000	800,850		4,734,850	
161	17020424	Nguyễn Văn Thạo	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	20,200,000	800,850		21,000,850	
162	17020438	Nguyễn Văn Toàn	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	6,406,800		6,406,800	
163	17020458	Hoàng Thanh Tùng	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	5,339,000		5,339,000	
164	17020467	Tô Việt Tùng	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	4,538,150		4,538,150	
165	17020469	Hoàng Văn Tuyển	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	6,940,700		6,940,700	
166	17020471	Nguyễn Tiến Tuynh	K17HDHCQ	CQ	K62CĐT	0	7,207,650		7,207,650	
167	17020202	Nguyễn Trọng Quang Anh	K17HDHCQ	CQ	K62CHKT	0	6,406,800		6,406,800	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
168	17020203	Nguyễn Tú Anh	K17HDHCQ	CQ	K62CHKT	0	6,673,750		6,673,750	
169	17020207	Tạ Xuân Đức	K17HDHCQ	CQ	K62CHKT	0	6,673,750		6,673,750	
170	17020211	Hồ Sỹ Hưng	K17HDHCQ	CQ	K62CHKT	12,008,000	800,850		12,808,850	
171	17020220	Đặng Hồng Sơn	K17HDHCQ	CQ	K62CHKT	0	6,139,850		6,139,850	
172	17021147	Hồ Thị Kim Anh	K17HDHCQ	CQ	K62CNNB	4,496,000	5,872,900		10,368,900	
173	17021150	Trần Thành Công	K17HDHCQ	CQ	K62CNNB	0	6,673,750		6,673,750	
174	17021165	Nguyễn Tiến Nhật	K17HDHCQ	CQ	K62CNNB	0	6,940,700		6,940,700	
175	17021169	Nguyễn Duy Thức	K17HDHCQ	CQ	K62CNNB	0	7,741,550		7,741,550	
176	17020003	Nguyễn Đình Đại	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,139,850		6,139,850	
177	17020012	Nguyễn Đình Quang Minh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	16,149,000	800,850		16,949,850	
178	17020093	Phạm Anh Tuấn	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	4,004,250		4,004,250	
179	17020096	Giang Nam Hải	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	6,977,000	2,402,550		9,379,550	
180	17020099	Hoàng Tuấn Sơn	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
181	17020100	Vũ Đức Thành Sơn	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	8,062,000	2,402,550		10,464,550	
182	17020167	Nguyễn Trọng Thắng	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,406,800		6,406,800	
183	17020186	Hà Trường Sơn	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	5,620,000	4,538,150		10,158,150	
184	17020191	Ngô Quang Dương	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,139,850		6,139,850	
185	17020580	Nguyễn Tấn Trường Anh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
186	17020596	Vũ Tuấn Anh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	800,850		800,850	
187	17020620	Chu Minh Cường	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	8,008,500		8,008,500	
188	17020624	Đình Việt Cường	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
189	17020626	Nguyễn Cao Cường	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
190	17020650	Vũ Khương Duy	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,406,800		6,406,800	
191	17020690	Dương Cao Đức	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	6,463,000	2,402,550		8,865,550	
192	17020691	Dương Minh Đức	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	2,248,000	2,936,450		5,184,450	
193	17020699	Phạm Minh Đức	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
194	17020704	Nguyễn Văn Thắng Em	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,940,700		6,940,700	
195	17020705	Nguyễn Trường Giang	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	2,402,550		2,402,550	
196	17020733	Lê Ngọc Hiệp	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,673,750		6,673,750	
197	17020743	Nguyễn Mạnh Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
198	17020747	Nguyễn Phương Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,940,700		6,940,700	
199	17020752	Vũ Trung Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	8,275,450		8,275,450	
200	17020754	Lưu Thị Thu Hoài	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	7,474,600		7,474,600	
201	17020776	Trương Việt Hoàng	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
202	17020779	Lê Việt Hoàn	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
203	17020791	Nguyễn Văn Hùng	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,406,800		6,406,800	
204	17020823	Hoàng Vũ Hường	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
205	17020836	Tăng Ngọc Khánh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	-843,000	5,872,900		5,029,900	
206	17020855	Ngọc Văn Linh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
207	17020857	Nguyễn Sỹ Linh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,139,850		6,139,850	
208	17020895	Nguyễn Đức Minh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,673,750		6,673,750	
209	17020903	Giàng Văn Mừng	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	3,372,000	2,402,550		5,774,550	
210	17020907	Dương Hoài Nam	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,940,700		6,940,700	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
211	17020909	Đào Duy Nam	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
212	17020945	Nguyễn Thị Hoài Nhi	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,406,800		6,406,800	
213	17020952	Lê Hồng Phong	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
214	17020973	Bùi Minh Quang	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	2,402,550		2,402,550	
215	17020974	Cao Xuân Quang	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
216	17020995	Phạm Thị Như Quỳnh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
217	17020996	Nguyễn Trọng Rường	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
218	17021032	Ninh Doãn Thắng	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
219	17021054	Nguyễn Thị Thúy	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
220	17021062	Trần Xuân Tiến	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	6,940,700		6,940,700	
221	17021080	Nguyễn Hữu Trí	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	4,004,250		4,004,250	
222	17021107	Nguyễn Ngọc Tuấn	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
223	17021130	Vũ Minh Việt	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	9,343,250		9,343,250	
224	17021131	Cao Thế Vinh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	7,207,650		7,207,650	
225	17021133	Lê Xuân Vinh	K17HDHCQ	CQ	K62CNTT	0	7,741,550		7,741,550	
226	17021173	Lê Quang Hưng	K17HDHCQ	CQ	K62HTTT	0	6,139,850		6,139,850	
227	17021174	Phan Hữu Hưng	K17HDHCQ	CQ	K62HTTT	0	6,940,700		6,940,700	
228	17020025	Phạm Ngọc Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62KHMT	0	4,271,200		4,271,200	
229	17020069	Đình Quang Vũ	K17HDHCQ	CQ	K62KHMT	0	5,872,900		5,872,900	
230	17020103	Nguyễn Hùng Quang	K17HDHCQ	CQ	K62KHMT	0	6,406,800		6,406,800	
231	17020159	Phùng Hoài Nam	K17HDHCQ	CQ	K62KTĐT	0	800,850		800,850	
232	17020163	Dương Tiến Trung	K17HDHCQ	CQ	K62KTĐT	300,000	6,673,750		6,973,750	
233	17021361	Đặng Tài Đạt	K17HDHCQ	CQ	K62KTMT	-525,420	800,850		275,430	
234	17021363	Đào Văn Bang	K17HDHCQ	CQ	K62KTNL	0	5,605,950		5,605,950	
235	17021367	Vũ Thanh Hà	K17HDHCQ	CQ	K62KTNL	15,350,000	5,605,950		20,955,950	
236	17021383	Nguyễn Thị Trang	K17HDHCQ	CQ	K62KTNL	0	800,850		800,850	
237	17021388	Trần Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62TT-MMT	0	6,406,800		6,406,800	
238	17021401	Nguyễn Anh Duy	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	13,951,000	800,850		14,751,850	
239	17021403	Trần Văn Đắc	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	0	6,940,700		6,940,700	
240	17021406	Trần Hữu Hậu	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	3,934,000	800,850		4,734,850	
241	17021408	Huỳnh Ngọc Hiếu	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	9,231,000	800,850		10,031,850	
242	17021413	Bùi Mạnh Hùng	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	0	3,737,300		3,737,300	
243	17021414	Mai Thế Hùng	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	0	800,850		800,850	
244	17021423	Nguyễn Duy Khánh	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	0	5,072,050		5,072,050	
245	17021424	Hoàng Văn Kiên	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	0	6,139,850		6,139,850	
246	17021432	Nguyễn Việt Phúc	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	9,216,000	800,850		10,016,850	
247	17021435	Trần Đức Quý	K17HDHCQ	CQ	K62VLKT	0	6,940,700		6,940,700	
248	18020289	Trần Quang Đạt	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	6,279,775	6,139,850		12,419,625	
249	18020470	Lê Đức Hiền	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	4,496,000	6,139,850		10,635,850	
250	18020705	Trần Ngọc Khánh	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	4,496,000	5,605,950		10,101,950	
251	18020736	Đỗ Trung Kiên	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	0	6,673,750		6,673,750	
252	18021019	Trần Duy Phương	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	0	7,207,650		7,207,650	
253	18021200	Quyền Đình Thảo	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	0	6,139,850		6,139,850	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
254	18021224	Đỗ Đức Thịnh	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	7,107,775	6,406,800		13,514,575	
255	18021305	Nguyễn Minh Trí	K18HDHCQ	CQ	K63CHKT	10,225,775	6,139,850		16,365,625	
256	18020015	Phan Hữu Duy	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	2,002,125		2,002,125	
257	18020022	Đặng Quang Huy	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,004,250		4,004,250	
258	18020034	Ngô Xuân Long	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	3,737,300		3,737,300	
259	18020070	Trịnh Tuấn Hùng	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	-108,225	7,207,650		7,099,425	
260	18020073	Trần Minh Toàn	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	3,737,300		3,737,300	
261	18020146	Nguyễn Tú Anh	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
262	18020209	Lương Cao Biên	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	3,737,300		3,737,300	
263	18020251	Lê Mạnh Cường	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
264	18020287	Nguyễn Tiến Đạt	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
265	18020576	Đình Lê Hoàng	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
266	18020669	Bùi Xuân Khải	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
267	18020674	Cù Phúc Khang	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	10,993,775	2,135,600		13,129,375	
268	18020688	Nguyễn Ngọc Khánh	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
269	18020730	Nguyễn Trung Kiên	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	9,944,775	4,538,150		14,482,925	
270	18020749	Đỗ Xuân Lâm	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	1,067,800		1,067,800	
271	18020781	Nguyễn Hữu Lộc	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	7,741,550		7,741,550	
272	18020837	Vũ Văn Long	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
273	18020856	Trần Thanh Long	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	2,669,500		2,669,500	
274	18020890	Hoàng Đức Minh	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	6,139,850		6,139,850	
275	18020914	Nguyễn Ngọc Minh	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	6,940,700		6,940,700	
276	18020923	Đỗ Văn Nam	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
277	18020925	Nguyễn Thành Nam	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
278	18020945	Lê Hữu Nghĩa	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
279	18020964	Vương An Nguyên	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	4,215,000	4,538,150		8,753,150	
280	18021044	Nguyễn Minh Quang	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
281	18021045	Nguyễn Minh Quang	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
282	18021146	Nguyễn Đức Thắng	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
283	18021171	Đoàn Văn Thành	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
284	18021183	Ngô Đức Thành	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	6,673,750		6,673,750	
285	18021207	Nguyễn Minh Thi	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	4,004,250		4,004,250	
286	18021211	Hoàng Văn Thiện	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	2,936,450		2,936,450	
287	18021434	Vũ Hữu Hải Vũ	K18HDHCQ	CQ	K63CNTT	0	5,605,950		5,605,950	
288	18020438	Nguyễn Văn Hà	K18HDHCQ	CQ	K63HKVT	0	5,605,950		5,605,950	
289	18020449	Trương Ngọc Hải	K18HDHCQ	CQ	K63HKVT	0	5,072,050		5,072,050	
290	18021256	Ngô Trung Thực	K18HDHCQ	CQ	K63HKVT	0	6,406,800		6,406,800	
291	18021268	Lê Văn Tiến	K18HDHCQ	CQ	K63HKVT	0	5,339,000		5,339,000	
292	18020307	Vương Duy Định	K18HDHCQ	CQ	K63KTCĐT	9,391,775	5,339,000		14,730,775	
293	18020440	Trần Mạnh Hải	K18HDHCQ	CQ	K63KTCĐT	0	5,339,000		5,339,000	
294	18020516	Vũ Thanh Hiếu	K18HDHCQ	CQ	K63KTCĐT	0	5,339,000		5,339,000	
295	18020794	Nguyễn Thành Long	K18HDHCQ	CQ	K63KTCĐT	0	5,339,000		5,339,000	
296	18020799	Nguyễn Duy Long	K18HDHCQ	CQ	K63KTCĐT	0	5,339,000		5,339,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
297	18020997	Phạm Trung Phong	K18HDHCQ	CQ	K63KTCĐT	0	5,339,000		5,339,000	
298	18020395	Vũ Triều Dương	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	0	5,339,000		5,339,000	
299	18020404	Cao Ngọc Dương	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	0	5,872,900		5,872,900	
300	18020518	Nguyễn Xuân Hiếu	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	0	6,139,850		6,139,850	
301	18020595	Phạm Hữu Hùng	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	0	5,605,950		5,605,950	
302	18020739	Lê Tuấn Kiệt	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	-108,225	5,072,050		4,963,825	
303	18020785	Nguyễn Doãn Lợi	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	0	5,339,000		5,339,000	
304	18021180	Nguyễn Tiến Thành	K18HDHCQ	CQ	K63KTXD	0	5,605,950		5,605,950	
305	18020321	Trần Đức Đức	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	9,956,775	5,872,900		15,829,675	
306	18020350	Tăng Minh Đức	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	9,400,775	5,072,050		14,472,825	
307	18020391	Đỗ Đăng Dương	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	6,139,850		6,139,850	
308	18020468	Phạm Văn Hệ	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	5,072,050		5,072,050	
309	18020493	Đặng Trung Hiếu	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	5,339,000	5,872,900		11,211,900	
310	18020717	Trần Văn Khoa	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	6,406,800		6,406,800	
311	18020769	Phạm Thị Linh	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	6,139,850		6,139,850	
312	18020818	Nguyễn Đức Long	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	14,087,775	4,004,250		18,092,025	
313	18020891	Lưu Bá Ngọc Minh	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	6,139,850		6,139,850	
314	18020955	Dương Minh Ngọc	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	5,872,900		5,872,900	
315	18021128	Nguyễn Tiến Thái	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	5,339,000		5,339,000	
316	18021163	Nguyễn Phạm Quang Thắng	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	5,339,000		5,339,000	
317	18021189	Phạm Minh Thành	K18HDHCQ	CQ	K63MT-R	0	6,406,800		6,406,800	
318	18020173	Nguyễn Văn Việt Anh	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	6,139,850		6,139,850	
319	18020260	Đặng Ngọc Cường	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	4,538,150		4,538,150	
320	18020421	Nguyễn Thị Mai Duyên	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	5,339,000		5,339,000	
321	18020701	Bùi Quốc Khánh	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	6,940,700		6,940,700	
322	18020756	Đinh Thị Liên	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	8,769,775	6,139,850		14,909,625	
323	18020761	Chu Tuấn Linh	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	5,209,775	6,139,850		11,349,625	
324	18020926	Trần Hoài Nam	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	5,605,950		5,605,950	
325	18021041	Hoàng Kim Quang	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	5,872,900		5,872,900	
326	18021097	Nguyễn Văn Sơn	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	6,744,000	5,072,050		11,816,050	
327	18021274	Nguyễn Hữu Tiến	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	5,339,000		5,339,000	
328	18021302	Phan Thị Huyền Trang	K18HDHCQ	CQ	K63VLKT	0	4,805,100		4,805,100	
329	19020030	Nguyễn Đình Tùng Anh	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	2,248,000	1,334,750		3,582,750	
330	19020790	Đào Lê Đức Anh	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
331	19020794	Trần Quốc Cường	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
332	19020807	Vũ Minh Giang	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
333	19020809	Đào Đình Hải	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
334	19020812	Nguyễn Đình Hiếu	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
335	19020816	Phạm Văn Hiếu	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,004,250		4,004,250	
336	19020827	Nguyễn Đăng Hưng	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
337	19020829	Nguyễn Hoàng Huy	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
338	19020830	Từ Quang Huy	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
339	19020833	Thiều Văn Khánh	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,805,100		4,805,100	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
340	19020834	Nguyễn Trí Kiên	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,004,250		4,004,250	
341	19020853	Nguyễn Thế Quyền	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
342	19020854	Nguyễn Văn Sơn	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,271,200		4,271,200	
343	19020869	Hoàng Tiệp Trường	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	0	4,004,250		4,004,250	
344	19020873	Đỗ Văn Vinh	K19HDHCQ	CQ	K64CHKT	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
345	19021542	Vũ Đình Ân	K19HDHCQ	CQ	K64CNNN	2,248,000	4,538,150		6,786,150	
346	19021551	Nguyễn Đức Hải	K19HDHCQ	CQ	K64CNNN	0	4,805,100		4,805,100	
347	19021565	Nguyễn Hữu Miện	K19HDHCQ	CQ	K64CNNN	0	4,805,100		4,805,100	
348	19021568	Nguyễn Thế Ngọc Phương	K19HDHCQ	CQ	K64CNNN	0	5,339,000		5,339,000	
349	19021569	Lương Hữu Quyết	K19HDHCQ	CQ	K64CNNN	0	4,538,150		4,538,150	
350	19020003	Vũ Quốc Đạt	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	3,620,000	4,271,200		7,891,200	
351	19020014	Đình Trường Lâm	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	3,620,000	3,203,400		6,823,400	
352	19020015	Lương Hải Long	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
353	19020022	Cao Phan Thái	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	5,339,000		7,587,000	
354	19020045	Đặng Minh Hoàng	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
355	19020046	Nguyễn Đình Huy	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
356	19020051	Phạm Trung Nghĩa	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	3,620,000	4,538,150		8,158,150	
357	19020055	Cao Hoàng Tùng	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	6,940,700		6,940,700	
358	19020062	Phạm Huy Hoàng	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
359	19020072	Nguyễn Quang Minh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	2,536,025		2,536,025	
360	19020081	Nguyễn Quang Minh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
361	19020086	Nguyễn Đức Thành	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
362	19020087	Nguyễn Quốc Trung	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
363	19020124	Nguyễn Quý Đôn	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	3,203,400		3,203,400	
364	19020163	Vi Tiến Đạt	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
365	19020164	Triệu Minh Đức	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,538,150		6,786,150	
366	19020174	Lê Văn Sơn	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	5,072,050		7,320,050	
367	19020175	Nguyễn Văn Quân	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
368	19020176	Lương Thành Công	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	3,620,000	2,135,600		5,755,600	
369	19020207	Phạm Tuấn Anh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	5,339,000		7,587,000	
370	19020217	Đàm Đức ánh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	5,605,950	5,607,000	2,246,950	Chưa đóng HP GDQP
371	19020220	Nhâm Đức Bách	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
372	19020228	Vũ Minh Chiến	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
373	19020237	Đỗ Mạnh Cường	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
374	19020248	Nguyễn Văn Điệp	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
375	19020250	Nguyễn Thành Đô	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
376	19020255	Đậu Việt Đức	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
377	19020271	Phạm Hoàng Giang	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,872,900		5,872,900	
378	19020273	Phạm Việt Hà	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
379	19020280	Bùi Văn Hậu	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
380	19020284	Nguyễn Văn Hiếu	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
381	19020289	Đào Quang Hiếu	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
382	19020302	Trần ích Hoàng	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
383	19020311	Trần Phi Hùng	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
384	19020324	Hà Văn Huy	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
385	19020325	Trần Nhật Huy	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
386	19020353	Lê Thành Long	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
387	19020354	Nguyễn Tân Long	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
388	19020360	Phạm Đức Mạnh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
389	19020361	Nguyễn Hữu Mạnh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
390	19020363	Nguyễn Duy Mạnh	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,004,250		4,004,250	
391	19020373	Đỗ Văn Nam	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
392	19020393	Trần Thành Phúc	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
393	19020394	Phạm Tiến Phúc	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
394	19020398	Bùi Quang Quân	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
395	19020403	Nguyễn Văn Quang	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
396	19020410	Vũ Ngọc Quyền	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,805,100		7,053,100	
397	19020418	Lê Duy Sơn	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
398	19020419	Nguyễn Đắc Sơn	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,339,000		5,339,000	
399	19020434	Hồ Mạnh Tân	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
400	19020435	Đỗ Trọng Tấn	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,271,200		4,271,200	
401	19020444	Trần Phương Thảo	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,805,100		4,805,100	
402	19020453	Đỗ Văn Thức	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	5,072,050		5,072,050	
403	19020464	Nguyễn Xuân Trang	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
404	19020468	Nguyễn Việt Trung	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	4,538,150		6,786,150	
405	19020471	Phan Đức Trung	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	6,139,850		6,139,850	
406	19020481	Nguyễn Hoàng Tùng	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	0	4,538,150		4,538,150	
407	19020488	Đình Quang Vũ	K19HDHCQ	CQ	K64CNTT	2,248,000	5,872,900		8,120,900	
408	19021143	Nguyễn Đình Anh	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	5,339,000		5,339,000	
409	19021146	Nguyễn Quốc Anh	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	4,271,200		4,271,200	
410	19021152	Nguyễn Trọng Đạt	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	4,538,150		4,538,150	
411	19021153	Lê Quang Đức	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	4,271,200		4,271,200	
412	19021154	Nguyễn Tiến Dũng	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	-52,000	5,339,000		5,287,000	
413	19021158	Vũ Thị Thu Hiền	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	3,620,000	4,271,200		7,891,200	
414	19021169	Lê Tuấn Kiệt	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	5,339,000		5,339,000	
415	19021176	Trần Thảo Ngân	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	4,538,150		4,538,150	
416	19021185	Nguyễn Đức Thắng	K19HDHCQ	CQ	K64HKVT	0	4,271,200		4,271,200	
417	19021621	Chu Mạnh Tân	K19HDHCQ	CQ	K64KTĐK-TĐH	0	4,004,250		4,004,250	
418	19020887	Nguyễn Văn Chinh	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,538,150	2,248,000	4,538,150	SV chỉ chuyển đóng HP GDQP, chưa đóng K2/19-20
419	19020889	Trương Quốc Đạt	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,004,250		4,004,250	
420	19020894	Phan Quốc Đạt	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,805,100		4,805,100	
421	19020895	Hà Văn Đông	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
422	19020899	Vũ Minh Đức	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
423	19020926	Bùi Đình Học	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,538,150		6,786,150	
424	19020932	Đông Văn Huy	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,805,100		4,805,100	
425	19020948	Hà Văn Mạnh	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,538,150		6,786,150	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
426	19020950	Hoàng Văn Mạnh	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,805,100		4,805,100	
427	19020952	Đào Uyên Minh	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
428	19020955	Mai Văn Minh	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
429	19020957	Đỗ Thành Nam	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,538,150		4,538,150	
430	19020960	Đặng Phương Nam	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,538,150		6,786,150	
431	19020968	Hà Duy Quân	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,271,200		6,519,200	
432	19020976	Phạm Hoàng Thạch	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,004,250		4,004,250	
433	19020982	Tạ Huy Thiên	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
434	19020984	Nguyễn Văn Thường	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	3,058,000	3,470,350		6,528,350	
435	19020989	Vũ Xuân Trường	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,004,250		4,004,250	
436	19020996	Đỗ Thành Vinh	K19HDHCQ	CQ	K64KTXD	0	4,004,250		4,004,250	
437	19020029	Nguyễn Đình Nhật Tân	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	2,248,000	4,805,100		7,053,100	
438	19020089	Nguyễn Minh Tiến	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	2,248,000	3,203,400		5,451,400	
439	19020491	Nguyễn Hữu An	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	2,248,000	5,072,050		7,320,050	
440	19020493	Nguyễn Hoàng Anh	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
441	19020494	Trần Nam Anh	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	2,248,000	5,072,050		7,320,050	
442	19020507	Nguyễn Công chức	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
443	19020508	Dương Bình Cường	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,538,150		4,538,150	
444	19020513	Nguyễn Văn Đại	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
445	19020522	Phạm Ngọc Lam Điền	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,072,050		5,072,050	
446	19020526	Trần huỳnh Đức	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
447	19020530	Văn Quốc Dũng	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,605,950		5,605,950	
448	19020533	Vũ Hoàng Dương	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
449	19020542	Đoàn Văn Hiệp	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,538,150		4,538,150	
450	19020548	Phan Văn Hình	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	-2,000	5,872,900		5,870,900	
451	19020551	Trương Huy Hoàng	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
452	19020554	Trịnh Xuân Hưng	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
453	19020556	Nguyễn Văn Hường	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,072,050		5,072,050	
454	19020563	Nguyễn Ngọc Khang	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
455	19020565	Phan Thế Lam	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
456	19020566	Trịnh Nguyên Lâm	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,271,200		4,271,200	
457	19020569	Đỗ Văn Linh	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,072,050		5,072,050	
458	19020577	Nguyễn Thị Ngọc Mai	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,872,900		5,872,900	
459	19020583	Nguyễn Thành Nam	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,072,050		5,072,050	
460	19020588	Trần Minh Ngọc	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,605,950		5,605,950	
461	19020590	Mai Hồng Nhật	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	2,248,000	4,805,100		7,053,100	
462	19020595	Đàm Ngọc Phương	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,605,950		5,605,950	
463	19020601	Nghiêm Văn Quang	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,605,950		5,605,950	
464	19020622	Trần Quyết Thắng	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
465	19020623	Lưu Đức Thắng	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,072,050		5,072,050	
466	19020628	Đình Duy Thành	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
467	19020632	Nguyễn Thiêm	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	2,248,000	4,538,150		6,786,150	
468	19020636	Luyện Huy Tín	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,605,950		5,605,950	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
469	19020637	Trần Vũ Toàn	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	5,605,950		5,605,950	
470	19020638	Nguyễn Thị Thùy Trang	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
471	19020643	Nguyễn Quốc Trung	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,538,150		4,538,150	
472	19020646	Bạch Văn Trung	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	3,737,300		3,737,300	
473	19020649	Đoàn Minh Tuấn	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
474	19020652	Nguyễn Phúc Tuệ	K19HDHCQ	CQ	K64MT-RB	0	4,805,100		4,805,100	
475	19020675	Hoàng Việt Cường	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	3,737,300		3,737,300	
476	19020677	Lê Đăng Cường	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	3,737,300		3,737,300	
477	19020681	Nguyễn Phan Đông	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	3,737,300		3,737,300	
478	19020696	Nguyễn Văn Hiếu	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
479	19020704	Nguyễn Văn Hồng	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,271,200		4,271,200	
480	19020706	Nguyễn Mạnh Hùng	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
481	19020709	Vũ Thế Huy	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
482	19020710	Nguyễn Vũ Huy	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	2,248,000	3,737,300		5,985,300	
483	19020715	Trương Đăng Vũ Linh	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
484	19020719	Trần Văn Long	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,538,150		4,538,150	
485	19020720	Lê Văn Long	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,271,200		4,271,200	
486	19020724	Đỗ Minh	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
487	19020728	Phạm Văn Minh	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
488	19020729	Bùi Văn Mười	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	2,248,000	4,004,250		6,252,250	
489	19020732	Nguyễn Văn Nam	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,538,150		4,538,150	
490	19020739	Phạm Phú Nhuận	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,538,150		4,538,150	
491	19020744	Nguyễn Hồng Phúc	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,538,150		4,538,150	
492	19020766	Nguyễn Thị Thom	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	5,072,050		5,072,050	
493	19020775	Phạm Minh Trí	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,538,150		4,538,150	
494	19020776	Phan Huy Trình	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
495	19020778	Nguyễn Văn Trung	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	3,737,300		3,737,300	
496	19020779	Trần Quang Trường	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
497	19020780	Hoàng Huy Tuấn	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,805,100		4,805,100	
498	19020784	Trần Anh Tuấn	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	0	4,004,250		4,004,250	
499	19021638	Phạm Hoàng Quân	K19HDHCQ	CQ	K64VLKT	2,248,000	3,737,300		5,985,300	
500	16020006	Bùi Việt Hoàng	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	16,910,000		16,910,000	
501	16020133	Trần Huy Hoàng	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	16,245,000		16,245,000	
502	16020148	Nguyễn Quang Minh	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
503	16020155	Lâm Hải Phong	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	16,910,000		16,910,000	
504	16020156	Lê Phong	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	18,240,000		18,240,000	
505	16020157	Vũ Tuấn Phúc	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	-282,000	16,245,000		15,963,000	
506	16020160	Nguyễn Nhật Quân	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	17,575,000		17,575,000	
507	16020184	Nguyễn Thế Việt	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
508	16022305	Nguyễn Thái Dương	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	18,240,000		18,240,000	
509	16022314	Phạm Chiến Trung	K16HDHXXH	XH	K61ĐTVT-CLC	0	16,910,000		16,910,000	
510	16020039	Nguyễn Thành Đạt	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	75,000,000	14,250,000		89,250,000	
511	16020046	Nguyễn Văn Mạnh	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	20,235,000		20,235,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
512	16020066	Phí Hoàng Linh	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
513	16020206	Nguyễn Mạnh Cường	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
514	16020209	Phạm Văn Đại	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
515	16020230	Nguyễn Minh Hoàng	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	16,245,000		16,245,000	
516	16020245	Trịnh Thị Lan	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	17,100,000	14,250,000		31,350,000	
517	16020246	Đào Tuấn Linh	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
518	16020249	Đào Xuân Lộc	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	23,560,000		23,560,000	
519	16020250	Lê Tuấn Long	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	60,000,000	14,250,000		74,250,000	
520	16020258	Nguyễn Phạm Việt Nam	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	16,245,000	14,250,000	1,995,000	Chưa đóng HPHL
521	16020263	Hà Tuấn Phong	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
522	16020278	Đỗ Đức Tâm	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	22,230,000		22,230,000	
523	16020292	Trần Anh Tú	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
524	16020298	Nguyễn Quốc Việt	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	60,000,000	14,250,000		74,250,000	
525	16022306	Nguyễn Trọng Dương	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	16,245,000		16,245,000	
526	16022312	Nguyễn Sơn Tùng	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
527	16022403	Đặng Văn Dũng	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	22,230,000		22,230,000	
528	16022410	Nguyễn Đức Mạnh	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	20,900,000		20,900,000	
529	16022421	Nguyễn Quang Triệu	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
530	16022491	Hoàng Tuấn Anh	K16HDHXXH	XH	K61KHMT-CLC	39,800,000	14,250,000		54,050,000	
531	17020174	Nguyễn Thế Duyệt	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	15,000,000	14,250,000		29,250,000	
532	17021204	Nguyễn Việt An	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	34,900,000	14,250,000		49,150,000	
533	17021209	Trương Việt Anh	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
534	17021221	Nguyễn Thành Duy	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	18,905,000		18,905,000	
535	17021234	Nguyễn Minh Đức	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
536	17021238	Hà Minh Hải	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
537	17021248	Trần Đức Hiếu	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
538	17021251	Trần Bá Hoà	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
539	17021258	Trần Hoàng	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
540	17021268	Trần Quang Huy	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
541	17021269	Nguyễn Kiều Hưng	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
542	17021274	Nguyễn Duy Khánh	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	45,000,000	14,250,000		59,250,000	
543	17021276	Nguyễn Minh Khôi	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
544	17021281	Nguyễn Trọng Lâm	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
545	17021283	Đặng Nhật Linh	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
546	17021286	Phạm Tuấn Linh	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
547	17021290	Nguyễn Thành Lộc	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	15,000,000	14,250,000		29,250,000	
548	17021295	Dương Hải Minh	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
549	17021302	Trần Tuấn Minh	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
550	17021307	Phạm Đình Nam	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	16,245,000		16,245,000	
551	17021312	Phạm Đắc Ngọc Nhật	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	15,580,000		15,580,000	
552	17021323	Nguyễn Hợp Quang	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
553	17021352	Lê Thanh Tùng	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
554	17021359	Nguyễn Ngọc Anh Vũ	K17HDHXXH	XH	K62KHMT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
555	17020488	Nguyễn Thanh Bình	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	15,000,000	14,250,000		29,250,000	
556	17020489	Bùi Đức Chiến	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	2,100,000	16,245,000		18,345,000	
557	17020502	Phan Xuân Hải	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
558	17020506	Lê Chí Hiếu	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
559	17020509	Nguyễn Lê Hoàng	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	16,910,000		16,910,000	
560	17020527	Nguyễn Xuân Mạnh	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	16,245,000		16,245,000	
561	17020536	Đào Đức Thành	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
562	17020540	Nguyễn Văn Thuận	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
563	17020541	Đào Phú Toàn	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
564	17020543	Nguyễn Huy Toàn	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	0	14,250,000		14,250,000	
565	17020545	Trần Lưu Tôn	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	15,003,000	14,250,000		29,253,000	
566	17020548	Nguyễn Thành Trung	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	45,000,000	14,250,000		59,250,000	
567	17020551	Quách Văn Tuấn	K17HDHXXH	XH	K62KTĐT-CLC	15,000,000	14,250,000		29,250,000	
568	18020190	Hoàng Đình Bách	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	34,891,775	16,625,000		51,516,775	
569	18020225	Vũ Minh Chiến	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	34,891,775	16,625,000		51,516,775	
570	18020436	Dương Thị Hà	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	47,391,775	16,625,000		64,016,775	
571	18020475	Trần Minh Hiệp	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	34,891,775	16,625,000		51,516,775	
572	18020552	Nguyễn Minh Hoàng	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	47,391,775	16,625,000		64,016,775	
573	18020639	Vũ Quang Huy	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	18,620,000		18,620,000	
574	18020757	Nguyễn Phương Liên	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	47,391,775	16,625,000		64,016,775	
575	18020820	Đại Đức Long	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
576	18021072	Lê Thanh Sang	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	11,590,000		11,590,000	
577	18021291	Nguyễn Đình Tới	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
578	18021321	Nguyễn Thành Trung	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
579	18021416	Phạm Bá Văn	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
580	18021440	Nguyễn Huy Vũ	K18HDHXXH	XH	K63ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
581	18020009	Nguyễn Tất Đạt	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
582	18020104	Đoàn Đình An	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
583	18020107	Nguyễn Trường An	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	47,391,775	16,625,000		64,016,775	
584	18020213	Dương Đình Bình	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
585	18020347	Lê Anh Đức	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
586	18020484	Vũ Chí Hiếu	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	47,391,775	16,625,000		64,016,775	
587	18020553	Đặng Huy Hoàng	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
588	18020555	Trần Long Hoàng	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
589	18020685	Nguyễn Quốc Khánh	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
590	18020808	Nguyễn Hoàng Long	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	17,500,000	16,625,000		34,125,000	
591	18020940	Bùi Hải Nam	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
592	18020950	Lê Huy Ngọ	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
593	18020966	Trần Quang Nguyên	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
594	18021009	Nguyễn Quang Phúc	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
595	18021077	Nguyễn Hoàng Sơn	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	17,500,000	16,625,000		34,125,000	
596	18021107	Lê Văn Sỹ	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
597	18021162	Nguyễn Ngọc Thắng	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	17,391,775	16,625,000		34,016,775	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
598	18021173	Nguyễn Xuân Thành	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
599	18021206	Hồ Văn Thép	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
600	18021210	Nguyễn Quang Thiện	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
601	18021228	Lê Thái Thịnh	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
602	18021278	Trần Sách Tinh	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
603	18021319	Đình Thành Trung	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
604	18021350	Nguyễn Ngọc Tú	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
605	18021362	Nguyễn Đình Anh Tuấn	K18HDHXXH	XH	K63KHMT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
606	19020157	Đào Tuấn Huy	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
607	19021003	Trần Văn Công	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
608	19021010	Nguyễn Quang Đại	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
609	19021011	Triệu Văn Đăng	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000	16,300,000	325,000	SV chuyển thiếu tiền
610	19021030	Bùi Đức Duy	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
611	19021036	Nguyễn Ngọc Hải	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
612	19021038	Lương Văn Hạnh	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
613	19021039	Nguyễn Tiến Hậu	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
614	19021054	Nguyễn Việt Hùng	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
615	19021065	Dương Quốc Khánh	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
616	19021071	Đỗ Đức Thanh Lâm	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
617	19021084	Phạm Tuấn Nam	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
618	19021092	Nguyễn Vũ Phúc	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	18,905,000		18,905,000	
619	19021093	Lâm Văn Phương	K19HDHXXH	XH	K64CNCĐT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
620	19020036	Vũ Hoàng Long	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
621	19020058	Bùi Đức Anh	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
622	19020068	Đặng Khánh Vinh	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
623	19020096	Ngô Hoàng Dũng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	18,905,000		18,905,000	
624	19020099	Nguyễn Việt Hoàng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
625	19020105	Nguyễn Duy Đức Khoa	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
626	19020112	Đặng Nhật Minh	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
627	19020119	Dương Khánh Vân	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
628	19020127	Chu Việt Hoàng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
629	19021207	Trần Quang Anh	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
630	19021225	Bùi Đăng Nam Bình	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
631	19021229	Đặng Trung Cường	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
632	19021235	Ngô Quốc Đạt	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
633	19021242	Hà Tiên Đức	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
634	19021245	Trần Long Dũng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
635	19021250	Phạm Quý Dương	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
636	19021259	Nguyễn Trường Giang	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
637	19021272	Nguyễn Trung Hiếu	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	11,590,000		11,590,000	
638	19021276	Nguyễn Vũ Hiệu	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
639	19021277	Vũ Hồng Hiệu	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
640	19021279	Phạm Ngọc Hoa	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
641	19021285	Trần Minh Hoàng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
642	19021287	Bùi Công Hoàng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
643	19021290	Nguyễn Văn Hùng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
644	19021291	Dương Việt Hùng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
645	19021294	Vũ Quang Hưng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
646	19021295	Nguyễn Mạnh Hưng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
647	19021302	Hồ Quang Huy	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
648	19021319	Đặng Xuân lâm	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
649	19021330	Phan Công Minh	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
650	19021336	Trần Đông Nam	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
651	19021340	Nguyễn Hữu Nghĩa	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
652	19021341	Nguyễn Duy Ngọc	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
653	19021344	Hoàng Bảo Phúc	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
654	19021345	Nguyễn Duy Phương	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
655	19021350	Đỗ Mạnh Quân	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
656	19021361	bàng Ngọc Tân	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
657	19021375	Lê Quang Trung	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
658	19021382	Nguyễn Đức Tuấn	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
659	19021383	Nguyễn Anh Tuấn	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
660	19021386	Chu Thanh Tùng	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
661	19021391	Đàm Thanh Văn	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
662	19021392	Trần Quang Việt	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
663	19021394	Nguyễn Đức Vinh	K19HDHXXH	XH	K64CNTT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
664	19020121	Đình Quang Anh	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
665	19021399	Hoàng An	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
666	19021402	Lê Hoàng Anh	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
667	19021405	chử Việt Anh	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
668	19021411	Đình Tiến Anh	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
669	19021423	Nguyễn Sỹ Đại	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
670	19021425	Vũ Duy Đại	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
671	19021427	Lê Hồng Đăng	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
672	19021432	Lương Nguyễn Minh Đức	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
673	19021445	Nguyễn Mạnh Hà	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
674	19021448	Nguyễn Công Hải	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
675	19021452	Phạm Minh Hiếu	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
676	19021460	Nguyễn Việt Hoàng	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
677	19021481	Nguyễn Văn Lợi	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
678	19021482	Vũ Hoàng Long	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
679	19021489	Trần Nguyễn Hoàng Nam	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
680	19021492	Nguyễn Xuân Nam	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
681	19021511	Nguyễn Minh Tân	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
682	19021519	Nguyễn Huy Tô	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	
683	19021531	Phạm Anh Tuấn	K19HDHXXH	XH	K64ĐTVT-CLC	0	16,625,000		16,625,000	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
684	1.6E+07	Bùi Ngọc Anh	K16SDHCH	CH	K23ATTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
685	1.6E+07	Nguyễn Vũ Linh	K16SDHCH	CH	K23ATTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
686	1.6E+07	Đỗ Công Thành	K16SDHCH	CH	K23ATTT	15,150,000	7,552,500		22,702,500	
687	1.6E+07	Trần Thị Tươi	K16SDHCH	CH	K23ATTT	16,590,000	7,552,500		24,142,500	
688	1.6E+07	Lê Anh Sơn	K16SDHCH	CH	K23ATTT	23,925,000	7,552,500		31,477,500	
689	1.6E+07	Phạm Minh Đức	K16SDHCH	CH	K23ATTT	26,895,000	7,552,500		34,447,500	
690	1.6E+07	Nguyễn Trọng Nguyên	K16SDHCH	CH	K23ATTT	30,387,000	7,552,500		37,939,500	
691	1.6E+07	Đặng Hồng Quân	K16SDHCH	CH	K23CĐT	19,470,000	7,552,500		27,022,500	
692	1.6E+07	Nguyễn Mạnh Cường	K16SDHCH	CH	K23ĐTVT	15,150,000	7,552,500		22,702,500	
693	1.6E+07	Lương Minh Hải	K16SDHCH	CH	K23ĐTVT	22,350,000	7,552,500		29,902,500	
694	1.6E+07	Phan Đình Bắc	K16SDHCH	CH	K23ĐTVT	41,220,000	7,552,500		48,772,500	
695	1.6E+07	Hoàng Đức Thọ	K16SDHCH	CH	K23HTTT	0	7,552,500		7,552,500	
696	1.6E+07	Đỗ Văn Việt	K16SDHCH	CH	K23HTTT	0	7,552,500		7,552,500	
697	1.6E+07	Nguyễn Tuấn Anh	K16SDHCH	CH	K23HTTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
698	1.6E+07	Lê Xuân Lâm	K16SDHCH	CH	K23HTTT	19,470,000	7,552,500		27,022,500	
699	1.6E+07	Nguyễn Đình Phú	K16SDHCH	CH	K23HTTT	22,350,000	7,552,500		29,902,500	
700	1.6E+07	Đặng Văn Hoạch	K16SDHCH	CH	K23HTTT	28,875,000	7,552,500		36,427,500	
701	1.6E+07	Phạm Văn Thế Anh	K16SDHCH	CH	K23HTTT	29,487,000	7,552,500		37,039,500	
702	1.6E+07	Văn Thị Nhất	K16SDHCH	CH	K23HTTT	30,099,000	7,552,500		37,651,500	
703	1.6E+07	Nguyễn Duy Cương	K16SDHCH	CH	K23HTTT	30,774,000	7,552,500		38,326,500	
704	1.6E+07	Nguyễn Minh Hòa	K16SDHCH	CH	K23HTTT	35,400,000	7,552,500		42,952,500	
705	1.6E+07	Nguyễn Anh Dũng	K16SDHCH	CH	K23HTTT	37,416,000	7,552,500		44,968,500	
706	1.6E+07	Đình Quang Hồng	K16SDHCH	CH	K23HTTT	43,545,000	7,552,500		51,097,500	
707	1.6E+07	Nguyễn Đức Anh	K16SDHCH	CH	K23KHMT	16,590,000	7,552,500		24,142,500	
708	1.6E+07	Nguyễn Đình Mạnh	K16SDHCH	CH	K23KHMT	19,470,000	7,552,500		27,022,500	
709	1.6E+07	Đoàn Văn Mạnh	K16SDHCH	CH	K23KHMT	28,875,000	7,552,500		36,427,500	
710	1.6E+07	Trần Ngọc Thanh	K16SDHCH	CH	K23KTPM	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
711	1.6E+07	Nguyễn Văn Thiệu	K16SDHCH	CH	K23KTPM	16,050,000	7,552,500		23,602,500	
712	1.6E+07	Lã Thị Hường	K16SDHCH	CH	K23KTPM	16,500,000	7,552,500		24,052,500	
713	1.6E+07	Nguyễn Duy Quang	K16SDHCH	CH	K23KTPM	20,370,000	7,552,500		27,922,500	
714	1.6E+07	Trần Thị Hoan	K16SDHCH	CH	K23KTPM	23,700,000	7,552,500		31,252,500	
715	1.6E+07	Phạm Đức Bình	K16SDHCH	CH	K23KTPM	24,132,000	7,552,500		31,684,500	
716	1.6E+07	Phạm Tuấn Anh	K16SDHCH	CH	K23KTPM	28,020,000	7,552,500		35,572,500	
717	1.6E+07	Nguyễn Mạnh Hùng	K16SDHCH	CH	K23KTPM	28,875,000	7,552,500		36,427,500	
718	1.6E+07	Đỗ Thị Diệu Huyền	K16SDHCH	CH	K23TDL-MN	20,820,000	7,552,500		28,372,500	
719	1.6E+07	Đỗ Thành Long	K16SDHCH	CH	K23TDL-MN	22,350,000	7,552,500		29,902,500	
720	1.6E+07	Nguyễn Thị Thanh Bình	K16SDHCH	CH	K23VLKT	32,520,000	7,552,500		40,072,500	
721	1.6E+07	Bùi Phạm Huy Hoàng	K16SDHCH	CH	K23VLKT	32,520,000	7,552,500		40,072,500	
722	1.7E+07	Bùi Văn Minh	K17SDHCH	CH	K24ATTT	4,770,000	7,552,500		12,322,500	
723	1.7E+07	Lã Xuân Kiên	K17SDHCH	CH	K24ATTT	8,694,000	7,552,500	8,694,000	7,552,500	Đóng trước kỳ 1
724	1.7E+07	Nguyễn Khâm Hồng Quang	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	0	7,552,500		7,552,500	
725	1.7E+07	Vũ Minh Thoại	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	4,770,000	7,552,500		12,322,500	
726	1.7E+07	Hà Thế Luân	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	4,770,000	7,552,500		12,322,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
727	1.7E+07	Nguyễn Văn Luật	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	5,514,000	7,552,500		13,066,500	
728	1.7E+07	Nguyễn Văn Nam	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	25,695,000	7,552,500		33,247,500	
729	1.7E+07	Trần Minh Nhân	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	25,695,000	7,552,500		33,247,500	
730	1.7E+07	Nguyễn Hữu Giang	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	25,695,000	7,552,500		33,247,500	
731	1.7E+07	Dương Hồng Hà	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	26,919,000	7,552,500		34,471,500	
732	1.7E+07	Nguyễn Trọng Nghĩa	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	30,609,000	7,552,500		38,161,500	
733	1.7E+07	Nguyễn Trọng Hưng	K17SDHCH	CH	K24ĐTVT	32,547,000	7,552,500		40,099,500	
734	1.7E+07	Nguyễn Thị Quỳnh	K17SDHCH	CH	K24HTTT	0	7,552,500		7,552,500	
735	1.7E+07	Hà Thị Hào	K17SDHCH	CH	K24HTTT	4,770,000	7,552,500		12,322,500	
736	1.7E+07	Hoàng Xuân Phương	K17SDHCH	CH	K24HTTT	4,770,000	7,552,500		12,322,500	
737	1.7E+07	Lưu Quang Thắng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	4,770,000	7,552,500		12,322,500	
738	1.7E+07	Tạ Văn Đức	K17SDHCH	CH	K24HTTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
739	1.7E+07	Nguyễn Hữu Lương	K17SDHCH	CH	K24HTTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
740	1.7E+07	Đỗ Thanh Tuyên	K17SDHCH	CH	K24HTTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
741	1.7E+07	Phan Văn Việt	K17SDHCH	CH	K24HTTT	15,570,000	7,552,500		23,122,500	
742	1.7E+07	Lâm Tăng Doan	K17SDHCH	CH	K24HTTT	15,825,000	7,552,500		23,377,500	
743	1.7E+07	Nguyễn Quang Hưng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	16,725,000	7,552,500		24,277,500	
744	1.7E+07	Phạm Văn Đắc	K17SDHCH	CH	K24HTTT	17,400,000	7,552,500		24,952,500	
745	1.7E+07	Nguyễn Đắc Huy	K17SDHCH	CH	K24HTTT	18,525,000	7,552,500		26,077,500	
746	1.7E+07	Lê Thành Thiện	K17SDHCH	CH	K24HTTT	18,525,000	7,552,500		26,077,500	
747	1.7E+07	Lê Văn Trọng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	24,876,000	7,552,500		32,428,500	
748	1.7E+07	Lại Thị Huyền Trang	K17SDHCH	CH	K24HTTT	29,487,000	7,552,500		37,039,500	
749	1.7E+07	Nguyễn Quang Dũng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
750	1.7E+07	Đỗ Hoàng Dương	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
751	1.7E+07	Vũ Ngọc Đăng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
752	1.7E+07	Bùi Văn Hà	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
753	1.7E+07	Nguyễn Thái Lâm	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
754	1.7E+07	Phan Xuân Lượng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
755	1.7E+07	Thang Tiến Mạnh	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
756	1.7E+07	Nguyễn Quang Ninh	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
757	1.7E+07	Ngô Tiến Quân	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
758	1.7E+07	Nguyễn Mạnh Thắng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
759	1.7E+07	Nguyễn Đăng Tiệp	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
760	1.7E+07	Ngô Mạnh Tường	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
761	1.7E+07	Lê Như ý	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,044,000	7,552,500		38,596,500	
762	1.7E+07	Nguyễn Công Đạo	K17SDHCH	CH	K24HTTT	31,323,000	7,552,500		38,875,500	
763	1.7E+07	Nguyễn Việt Dũng	K17SDHCH	CH	K24HTTT	0	7,950,000		7,950,000	
764	1.7E+07	Đào Văn Hải	K17SDHCH	CH	K24KHMT	0	7,552,500		7,552,500	
765	1.7E+07	Nguyễn Hồng Thanh	K17SDHCH	CH	K24KHMT	0	9,040,500		9,040,500	
766	1.7E+07	Kiều Minh Đức	K17SDHCH	CH	K24KHMT	7,002,000	7,552,500		14,554,500	
767	1.7E+07	Trần Tuấn Linh	K17SDHCH	CH	K24KHMT	7,002,000	7,552,500		14,554,500	
768	1.7E+07	Hoàng Anh Dũng	K17SDHCH	CH	K24KHMT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
769	1.7E+07	Trần Ngọc Linh	K17SDHCH	CH	K24KHMT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
770	1.7E+07	Đình Văn Việt	K17SDHCH	CH	K24KHMT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
771	1.7E+07	Hà Thị Hải Yến	K17SDHCH	CH	K24KHMT	8,625,000	7,552,500		16,177,500	
772	1.7E+07	Nguyễn Mạnh Hùng	K17SDHCH	CH	K24KHMT	13,995,000	7,552,500		21,547,500	
773	1.7E+07	Nguyễn Quang Nam	K17SDHCH	CH	K24KHMT	14,739,000	7,552,500		22,291,500	
774	1.7E+07	Phan Hưng Hà	K17SDHCH	CH	K24KHMT	16,500,000	7,552,500		24,052,500	
775	1.7E+07	Phạm Thị Hải Yến	K17SDHCH	CH	K24KHMT	16,500,000	7,552,500		24,052,500	
776	1.7E+07	Nguyễn Văn Định	K17SDHCH	CH	K24KHMT	17,850,000	7,552,500		25,402,500	
777	1.7E+07	Vũ Hữu Huân	K17SDHCH	CH	K24KHMT	19,425,000	7,552,500		26,977,500	
778	1.7E+07	Đông Văn Tài	K17SDHCH	CH	K24KHMT	21,225,000	7,552,500		28,777,500	
779	1.7E+07	Đỗ Minh Cảnh	K17SDHCH	CH	K24KHMT	22,350,000	7,552,500		29,902,500	
780	1.7E+07	Kiều Hải Đăng	K17SDHCH	CH	K24KHMT	25,695,000	7,552,500		33,247,500	
781	1.7E+07	Vũ Trung Kiên	K17SDHCH	CH	K24KHMT	25,695,000	7,552,500		33,247,500	
782	1.7E+07	Trác Quang Thịnh	K17SDHCH	CH	K24KHMT	25,695,000	7,552,500		33,247,500	
783	1.7E+07	Ngô Quang Hùng	K17SDHCH	CH	K24KHMT	25,725,000	7,552,500		33,277,500	
784	1.7E+07	Phạm Văn Điệp	K17SDHCH	CH	K24KHMT	25,950,000	7,552,500		33,502,500	
785	1.7E+07	Nguyễn Văn Phong	K17SDHCH	CH	K24KHMT	32,139,000	7,552,500		39,691,500	
786	1.7E+07	Lại Đức Chung	K17SDHCH	CH	K24KHMT	20,169,000	9,040,500		29,209,500	
787	1.7E+07	Lê Đỗ Tân	K17SDHCH	CH	K24KHMT	0	10,732,500		10,732,500	
788	1.7E+07	Phạm Văn Trường	K17SDHCH	CH	K24KTPM	0	7,552,500		7,552,500	
789	1.7E+07	Phùng Thị Hương	K17SDHCH	CH	K24KTPM	4,770,000	7,552,500		12,322,500	
790	1.7E+07	Nguyễn Anh Tuấn	K17SDHCH	CH	K24KTPM	19,845,000	7,552,500		27,397,500	
791	1.7E+07	Phí Bá Chiến	K17SDHCH	CH	K24KTPM	19,875,000	7,552,500		27,427,500	
792	1.7E+07	Kiều Đức Hạnh	K17SDHCH	CH	K24KTPM	22,332,000	7,552,500		29,884,500	
793	1.7E+07	Bùi Thanh Hoa	K17SDHCH	CH	K24KTPM	0	9,040,500		9,040,500	
794	1.7E+07	Nguyễn Minh Hằng	K17SDHCH	CH	K24KTPM	11,670,000	10,528,500		22,198,500	
795	1.8E+07	Đỗ Đức Tâm	K18SDHCH	CH	K25ATTT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
796	1.8E+07	Hoàng Trọng Hiếu	K18SDHCH	CH	K25ATTT	17,895,000	7,552,500		25,447,500	
797	1.8E+07	Nguyễn Tuấn Anh	K18SDHCH	CH	K25ATTT	20,550,000	7,552,500		28,102,500	
798	1.8E+07	Đình Thu Giang	K18SDHCH	CH	K25ATTT	20,550,000	7,552,500		28,102,500	
799	1.8E+07	Phạm Tuấn Anh	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
800	1.8E+07	Hoàng Văn Dũng	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
801	1.8E+07	Phạm Tiến Dũng	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
802	1.8E+07	Trần Thọ Hoàng	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
803	1.8E+07	Nguyễn Tiến Mạnh	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
804	1.8E+07	Nguyễn Thị Quyền	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
805	1.8E+07	Lê Thanh Tùng	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
806	1.8E+07	Phạm Thế Vịnh	K18SDHCH	CH	K25ATTT	25,014,000	7,552,500		32,566,500	
807	1.8E+07	Khuất Duy Huy	K18SDHCH	CH	K25CĐT	8,694,000	7,552,500		16,246,500	
808	1.8E+07	Đặng Thế Linh	K18SDHCH	CH	K25CĐT	8,694,000	7,552,500		16,246,500	
809	1.8E+07	Nghiêm Văn Tú	K18SDHCH	CH	K25CĐT	0	7,950,000		7,950,000	
810	1.8E+07	Hoàng Ngọc Quý	K18SDHCH	CH	K25CKT	0	7,552,500		7,552,500	
811	1.8E+07	Vũ Văn Sơn	K18SDHCH	CH	K25HTTT	0	7,552,500		7,552,500	
812	1.8E+07	Phan Thanh Sang	K18SDHCH	CH	K25HTTT	16,320,000	7,552,500		23,872,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
813	1.8E+07	Nguyễn Mạnh Hưng	K18SDHCH	CH	K25HTTT	19,020,000	7,552,500		26,572,500	
814	1.8E+07	Trần Văn Khánh	K18SDHCH	CH	K25HTTT	19,020,000	7,552,500		26,572,500	
815	1.8E+07	Phùng Lê Thanh Tùng	K18SDHCH	CH	K25HTTT	19,020,000	7,552,500		26,572,500	
816	1.8E+07	Đặng Quốc Trung	K18SDHCH	CH	K25HTTT	20,370,000	7,552,500		27,922,500	
817	1.8E+07	Nguyễn Triều Lăng	K18SDHCH	CH	K25HTTT	21,720,000	7,552,500		29,272,500	
818	1.8E+07	Hà Minh Tuấn	K18SDHCH	CH	K25HTTT	21,720,000	7,552,500		29,272,500	
819	1.8E+07	Tạ Mạnh Tuấn	K18SDHCH	CH	K25HTTT	21,720,000	7,552,500		29,272,500	
820	1.8E+07	Nguyễn Công Chiến	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
821	1.8E+07	Đỗ Đức Cường	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
822	1.8E+07	Nguyễn Thanh Cường	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
823	1.8E+07	Nguyễn Đức Đông	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
824	1.8E+07	Nguyễn Thị Huyền	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
825	1.8E+07	Đào Đại Nghĩa	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
826	1.8E+07	Phạm Minh Nguyên	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
827	1.8E+07	Nguyễn Công Thắng	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
828	1.8E+07	Nguyễn Huy Tình	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
829	1.8E+07	Nguyễn Tiên Uy	K18SDHCH	CH	K25HTTT	24,696,000	7,552,500		32,248,500	
830	1.8E+07	Đỗ Hồng Giang	K18SDHCH	CH	K25HTTT	3,224,000	9,040,500		12,264,500	
831	1.8E+07	Lưu Hoàng Tùng	K18SDHCH	CH	K25KHMT	1,488,000	7,552,500		9,040,500	
832	1.8E+07	Bùi Quang Cường	K18SDHCH	CH	K25KHMT	1,488,000	7,552,500		9,040,500	
833	1.8E+07	Trần Minh Tuấn	K18SDHCH	CH	K25KHMT	1,488,000	7,552,500		9,040,500	
834	1.8E+07	Nguyễn Đức Trung	K18SDHCH	CH	K25KHMT	2,232,000	7,552,500		9,784,500	
835	1.8E+07	Trương Ngọc Kiên	K18SDHCH	CH	K25KHMT	2,232,000	7,552,500		9,784,500	
836	1.8E+07	Trần Công Nam	K18SDHCH	CH	K25KHMT	3,224,000	7,552,500		10,776,500	
837	1.8E+07	Nguyễn Văn Công	K18SDHCH	CH	K25KHMT	9,438,000	7,552,500		16,990,500	
838	1.8E+07	Phan Đoàn Cương	K18SDHCH	CH	K25KHMT	11,174,000	7,552,500		18,726,500	
839	1.8E+07	Nguyễn Văn Đan	K18SDHCH	CH	K25KHMT	16,995,000	7,552,500		24,547,500	
840	1.8E+07	Hoàng Tuấn Anh	K18SDHCH	CH	K25KHMT	17,670,000	7,552,500		25,222,500	
841	1.8E+07	Đặng Minh Thắng	K18SDHCH	CH	K25KHMT	17,895,000	7,552,500		25,447,500	
842	1.8E+07	Nguyễn Anh Tú	K18SDHCH	CH	K25KHMT	10,926,000	9,040,500		19,966,500	
843	1.8E+07	Đỗ Huy Quang	K18SDHCH	CH	K25KHMT	13,158,000	12,016,500		25,174,500	
844	1.8E+07	Trần Văn Việt	K18SDHCH	CH	K25KTDT	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
845	1.8E+07	Cung Văn Trang	K18SDHCH	CH	K25KTDT	9,438,000	7,552,500		16,990,500	
846	1.8E+07	Nguyễn Như Cường	K18SDHCH	CH	K25KTDT	9,438,000	7,552,500		16,990,500	
847	1.8E+07	Nguyễn Thị Hoàng Yên	K18SDHCH	CH	K25KTDT	10,430,000	7,552,500		17,982,500	
848	1.8E+07	Trương Việt Phương	K18SDHCH	CH	K25KTDT	10,926,000	7,552,500		18,478,500	
849	1.8E+07	Đậu Hồng Quân	K18SDHCH	CH	K25KTDT	16,821,000	7,552,500		24,373,500	
850	1.8E+07	Nguyễn Tuấn Linh	K18SDHCH	CH	K25KTDT	19,245,000	7,552,500		26,797,500	
851	1.8E+07	Nguyễn Đặng Chiến	K18SDHCH	CH	K25KTDT	22,125,000	7,552,500		29,677,500	
852	1.8E+07	Lê Thế Huy	K18SDHCH	CH	K25KTPM	2,232,000	7,552,500		9,784,500	
853	1.8E+07	Chu Thừa Vũ	K18SDHCH	CH	K25KTPM	2,232,000	7,552,500		9,784,500	
854	1.8E+07	Bùi Ngọc Quang	K18SDHCH	CH	K25KTPM	2,480,000	7,552,500		10,032,500	
855	1.8E+07	Lê Minh Đức	K18SDHCH	CH	K25KTPM	2,976,000	7,552,500		10,528,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
856	1.8E+07	Nguyễn Khắc Hưng	K18SDHCH	CH	K25MMT-T	744,000	7,552,500		8,296,500	
857	1.8E+07	Nguyễn Tuấn Anh	K18SDHCH	CH	K25QLHTT	9,686,000	7,552,500		17,238,500	
858	1.8E+07	Phùng Quang Luyện	K18SDHCH	CH	K25QLHTT	10,926,000	7,552,500		18,478,500	
859	1.8E+07	Nguyễn Quỳnh Dương	K18SDHCH	CH	K25QLHTT	24,270,000	7,552,500		31,822,500	
860	1.8E+07	Nguyễn Việt Hùng	K18SDHCH	CH	K25VL-LKN	7,950,000	7,552,500		15,502,500	
861	1.9E+07	Nguyễn Công Thao	K19SDHCH	CH	K26ATTT	3,720,000	7,552,500		11,272,500	
862	1.9E+07	Nguyễn Khuyến	K19SDHCH	CH	K26ATTT	3,968,000	7,552,500		11,520,500	
863	1.9E+07	Nguyễn Hữu Đại	K19SDHCH	CH	K26CĐT	11,174,000	7,552,500		18,726,500	
864	1.9E+07	Nguyễn Cảnh Thắng	K19SDHCH	CH	K26CĐT	11,174,000	7,552,500		18,726,500	
865	1.9E+07	Dương Tuấn Nhật	K19SDHCH	CH	K26HTTT	3,968,000	7,552,500		11,520,500	
866	1.9E+07	Phạm Gia Huy	K19SDHCH	CH	K26HTTT	6,950,000	7,552,500		14,502,500	
867	1.9E+07	Nguyễn Tiến Việt	K19SDHCH	CH	K26KHMT	992,000	7,552,500		8,544,500	
868	1.9E+07	Lã Đức Chính	K19SDHCH	CH	K26KHMT	2,976,000	7,552,500		10,528,500	
869	1.9E+07	Văn Đăng Sơn	K19SDHCH	CH	K26KHMT	3,968,000	7,552,500		11,520,500	
870	1.9E+07	Triệu Hoàng An	K19SDHCH	CH	K26KHMT	4,414,000	7,552,500		11,966,500	
871	1.9E+07	Nguyễn Thu Hằng	K19SDHCH	CH	K26KTĐT	3,720,000	7,552,500		11,272,500	
872	1.9E+07	Vũ Đình Ngọc	K19SDHCH	CH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500		12,264,500	
873	1.9E+07	Vương Quang Huy	K19SDHCH	CH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500		12,264,500	
874	1.9E+07	Nguyễn Đức Thắng	K19SDHCH	CH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500		12,264,500	
875	1.9E+07	Vũ Minh Trung	K19SDHCH	CH	K26KTĐT	4,712,000	7,552,500		12,264,500	
876	1.9E+07	Nguyễn Văn Hiệp	K19SDHCH	CH	K26KTPM	3,720,000	7,552,500		11,272,500	
877	1.9E+07	Mai Thanh Minh	K19SDHCH	CH	K26KTPM	3,720,000	7,552,500		11,272,500	
878	1.9E+07	Trần Xuân Tình	K19SDHCH	CH	K26KTPM	5,214,000	7,552,500		12,766,500	
879	1.9E+07	Nguyễn Quốc Trịnh	K19SDHCH	CH	K26KTPM	5,214,000	7,552,500		12,766,500	
880	1.9E+07	Lâm Văn Tùng	K19SDHCH	CH	K26KTPM	5,214,000	7,552,500		12,766,500	
881	1.9E+07	Doãn Mạnh Duy	K19SDHCH	CH	K26KTVT	4,712,000	7,552,500		12,264,500	
882	1.9E+07	Nguyễn Trọng Sinh	K19SDHCH	CH	K26MMT	3,968,000	7,552,500		11,520,500	
883	1.9E+07	La Văn Năm	K19SDHCH	CH	K26VL-LKN	2,480,000	7,950,000		10,430,000	
884	1.4E+07	Lương Thanh Nhạn	K14SDHNS	NS	K21NCS	0	12,587,500		12,587,500	
885	1.4E+07	Lê Hoàng Quỳnh	K14SDHNS	NS	K21NCS	0	12,587,500		12,587,500	
886	1.4E+07	Lương Xuân Trường	K14SDHNS	NS	K21NCS	0	12,587,500		12,587,500	
887	1.4E+07	Nguyễn Ngọc Vũ	K14SDHNS	NS	K21NCS	0	12,587,500		12,587,500	
888	1.5E+07	Phạm Văn Hà	K15SDHNS	NS	K22NCS	0	12,587,500		12,587,500	
889	1.5E+07	Trần Tuấn Vinh	K15SDHNS	NS	K22NCS	0	12,587,500		12,587,500	
890	1.5E+07	Nguyễn Minh Tân	K15SDHNS	NS	K22NCS	1,250,000	12,587,500		13,837,500	
891	1.5E+07	Phạm Thanh Tùng	K15SDHNS	NS	K22NCS	3,510,000	12,587,500		16,097,500	
892	1.5E+07	Giản Quốc Anh	K15SDHNS	NS	K22NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
893	1.5E+07	Bùi Anh Tú	K15SDHNS	NS	K22NCS	13,560,000	12,587,500		26,147,500	
894	1.5E+07	Nguyễn Thị Kim Oanh	K15SDHNS	NS	K22NCS	25,250,000	12,587,500		37,837,500	
895	1.5E+07	Nguyễn Ngọc Khương	K15SDHNS	NS	K22NCS	30,050,000	12,587,500		42,637,500	
896	1.5E+07	Lê Bá Cường	K15SDHNS	NS	K22NCS	30,050,000	12,587,500		42,637,500	
897	1.5E+07	Nguyễn Hạnh Phúc	K15SDHNS	NS	K22NCS	30,050,000	12,587,500		42,637,500	
898	1.5E+07	Kiều Minh Việt	K15SDHNS	NS	K22NCS	30,050,000	12,587,500		42,637,500	

TT	Mã SV	Họ và tên	mkhoa	he dt	Lớp	Nợ các kỳ trước	Phải nộp kỳ 2/19-20	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú
899	1.5E+07	Trần Huy Toàn	K15SDHNS	NS	K22NCS	30,050,000	12,587,500		42,637,500	
900	1.5E+07	Nguyễn Thanh Hải	K15SDHNS	NS	K22NCS	30,050,000	12,587,500		42,637,500	
901	1.5E+07	Trần Đình Vương	K15SDHNS	NS	K22NCS	48,125,000	12,587,500		60,712,500	
902	1.5E+07	Nguyễn Thanh Thụy	K15SDHNS	NS	K22NCS	51,800,000	12,587,500		64,387,500	
903	1.6E+07	Ngô Thị Vinh	K16SDHNS	NS	K23NCS	0	12,587,500		12,587,500	
904	1.6E+07	Nguyễn Thị Hạnh	K16SDHNS	NS	K23NCS	0	12,587,500		12,587,500	
905	1.6E+07	Kiều Thanh Bình	K16SDHNS	NS	K23NCS	0	12,587,500		12,587,500	
906	1.6E+07	Mai Mạnh Trùng	K16SDHNS	NS	K23NCS	0	12,587,500		12,587,500	
907	1.6E+07	Đỗ Nam	K16SDHNS	NS	K23NCS	0	12,587,500		12,587,500	
908	1.6E+07	Trần Sỹ Trọng Khanh	K16SDHNS	NS	K23NCS	0	12,587,500		12,587,500	
909	1.6E+07	Nguyễn Thị Châm	K16SDHNS	NS	K23NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
910	1.6E+07	Nguyễn Thị Hồng Loan	K16SDHNS	NS	K23NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
911	1.6E+07	Nguyễn Đức Sử	K16SDHNS	NS	K23NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
912	1.6E+07	Phùng Công Phi Khanh	K16SDHNS	NS	K23NCS	13,250,000	12,587,500	13,250,000	12,587,500	Đóng trước kỳ 1
913	1.6E+07	Nguyễn Văn Đức	K16SDHNS	NS	K23NCS	37,250,000	12,587,500		49,837,500	
914	1.6E+07	Ngô Chí Nguyên	K16SDHNS	NS	K23NCS	48,125,000	12,587,500		60,712,500	
915	1.7E+07	Nguyễn Dương Hùng	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
916	1.7E+07	Nguyễn Thọ Thông	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
917	1.7E+07	Bùi Thị Hà	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
918	1.7E+07	Dương Thị Hằng	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
919	1.7E+07	Nguyễn Đình Dur	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
920	1.7E+07	Phạm Minh Phúc	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
921	1.7E+07	Nguyễn Thị Khánh Vân	K17SDHNS	NS	K24NCS	0	12,587,500		12,587,500	
922	1.7E+07	Nguyễn Văn Thâm	K17SDHNS	NS	K24NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
923	1.7E+07	Nguyễn Thị Hồng Nhung	K17SDHNS	NS	K24NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
924	1.7E+07	Phạm Văn Thành	K17SDHNS	NS	K24NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
925	1.7E+07	Phan Hải	K17SDHNS	NS	K24NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
926	1.7E+07	Đinh Văn Nam	K17SDHNS	NS	K24NCS	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
927	1.7E+07	Trần Văn Hậu	K17SDHNS	NS	K24NCS	25,250,000	12,587,500		37,837,500	
928	1.7E+07	Hồ Anh Tâm	K17SDHNS	NS	K24NCS	25,250,000	12,587,500		37,837,500	
929	1.7E+07	Mai Đức Thọ	K17SDHNS	NS	K24NCS	25,250,000	12,587,500		37,837,500	
930	1.7E+07	Vũ Xuân Mạnh	K17SDHNS	NS	K24NCS	37,250,000	12,587,500		49,837,500	
931	1.7E+07	Phan Nguyễn Đức Dược	K17SDHNS	NS	K24NCS	48,125,000	12,587,500		60,712,500	
932	1.8E+07	Nguyễn Minh Hải	K18SDHNS	NS	K25KHMT	0	12,587,500		12,587,500	
933	1.8E+07	Vũ Minh Mạnh	K18SDHNS	NS	K25KHMT	13,250,000	12,587,500		25,837,500	
934	1.8E+07	Lưu Việt Hưng	K18SDHNS	NS	K25NCS	25,250,000	12,587,500		37,837,500	
935	1.8E+07	Nguyễn Thị Dung	K18SDHNS	NS	K25NCS	25,250,000	12,587,500		37,837,500	
936	1.9E+07	Nguyễn Đức Anh	K19SDHNS	NS	K26NCS	0	12,587,500		12,587,500	
937	1.9E+07	Đào Mạnh Hiệp	K19SDHNS	NS	K26NCS	0	12,587,500		12,587,500	
938	1.9E+07	Mai Thị Ngọc ánh	K19SDHNS	NS	K26NCS	0	12,587,500		12,587,500	
939	1.9E+07	Lê Việt Hà	K19SDHNS	NS	K26NCS	1,170,000	12,587,500		13,757,500	
940	1.8E+07	Phạm Hữu Tùng	K18SDHNS	NS	K2MMT&T	25,070,000	12,587,500		37,657,500	
		TỔNG				5,334,147,630	7,438,571,525	65,424,000	12,707,295,155	